

Số: **50** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **03** tháng **4** năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương

Thực hiện Quyết định số 54/QĐ-TTr ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 01/3/2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần nước - môi trường Bình Dương; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. Những vấn đề chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần nước - môi trường Bình Dương (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 05/5/2022.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: cấp thoát nước, môi trường, xử lý chất thải, nước thải, nước đóng chai, tư vấn thiết kế, mua bán vật tư, sản xuất phân compost, gạch.

- Điện thoại giao dịch: 0274.3825172, Fax: 0274 3827738.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 11, đường Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Tài khoản giao dịch số 6501 000 0000 105 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

- Đã thành lập tổ chức công đoàn.

- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 1055 người.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa mở sổ thống kê các nội dung phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động.



2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế tuyển dụng lao động ban hành tại Quyết định số 16/QĐ - MT ngày 10/01/2022 của Tổng Giám đốc. Khi có kế hoạch tuyển dụng, doanh nghiệp đăng thông báo tuyển dụng công khai trên Báo Bình Dương và các trang thông tin điện tử khác. Doanh nghiệp tuyển dụng bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động. Năm 2022, doanh nghiệp tổ chức 27 lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ với 1.349 lượt người lao động.
- Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp không ký kết hợp đồng đào tạo nghề với người lao động.
- Doanh nghiệp cập nhật thông tin theo dõi, quản lý người lao động bằng phần mềm quản lý nhân sự.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 03 người
- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 1.052 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 1.052 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 381 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ đủ 03 tháng đến 36 tháng): 671 người.
- Số người lao động thuê lại: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Hợp đồng lao động giao kết với người lao động làm việc tại văn bộ phận văn phòng ghi chưa ghi cụ thể: mục công việc phải làm ghi “kế toán, phó giám đốc hoặc tổ nghiệp vụ phòng kinh doanh ...”; mục chế độ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của Luật lao động hiện hành”; mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo quy chế Công ty”; mục tiền thưởng, chế độ nâng lương ghi “theo quy chế công ty”.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 68 người, trong đó: đã trả trợ cấp thôi việc cho 26/26 người đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền là 340.759.558 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc 01 lần/năm, thực hiện lồng ghép với hội nghị người lao động.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng.

- Đã thực hiện theo nội dung TULĐTT.

- Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp theo quyết định số 685/QĐ-CPN.MT ngày 10/6/2020 của Tổng Giám đốc. Tuy nhiên, quy chế dân chủ chưa quy định cụ thể các nội dung chủ yếu để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 6.000.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất: 6.000.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 45.000.000 đồng/người/tháng; thu nhập bình quân: 15.102.496 đồng/người/tháng

- Phương pháp trả lương: bằng tiền mặt và trả qua tài khoản theo đề nghị của người lao động; doanh nghiệp trả chi phí mở và chuyển khoản tiền lương cho người lao động.

- Doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian, theo sản phẩm và lương khoán.

+ Áp dụng hình thức trả lương theo thời gian (theo tháng) đối với người lao động thuộc khối văn phòng;

+ Áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm và lương khoán tùy vị trí làm việc đối với người lao động sản xuất trực tiếp.

- Doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống thang, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày lễ.

- Đã trả đủ tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.

- Doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần:

+ Khối văn phòng làm việc 5,5 ngày/ tuần, nghỉ chiều thứ 7 và chủ nhật

- + Khởi sản xuất trực tiếp làm việc theo ca 8h/ca/ngày, 48 giờ/tuần.
- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi:
- + Khởi văn phòng nghỉ trong giờ làm việc là 2 giờ.
- + Khởi sản xuất nghỉ giữa ca: 45 phút.
- Số giờ làm thêm hằng ngày, hằng tuần và hằng năm:
- + Số giờ làm thêm hằng ngày: tối đa 8 giờ/ngày đối với lao động làm việc vào ngày nghỉ hằng tuần.
- + Số giờ làm thêm hằng tuần: tối đa 12 giờ/ngày
- + Số giờ làm thêm hằng năm: tối đa không quá 200 giờ/ năm.
- Doanh nghiệp thực hiện ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.
- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường là 12 ngày/năm chưa tính thâm niên.
- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày chưa tính thâm niên.
- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 16 ngày chưa tính thâm niên.
- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc (nếu có): không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: chưa quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.
- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Nội quy lao động có nội dung chưa phù hợp với pháp luật lao động, cụ thể: ngày nghỉ tết âm lịch là 04 ngày, ngày nghỉ quốc khánh 01 ngày; chưa có nội dung về phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, xử lý trường hợp quấy rối tình dục.
- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Số lao động nữ: 239 người.
- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:
- + Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Doanh nghiệp chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên. Doanh nghiệp đã ban hành chính sách không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và nhân quyền theo Quyết định số 1372/QĐ-CPN.MT ngày 11/10/2022 của Tổng Giám đốc.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Số người lao động cao tuổi: 04 người (đã hưởng chế độ hưu trí).

- Người lao động cao tuổi không đề nghị thực hiện chế độ giảm giờ làm việc..

- Việc khám sức khỏe định kỳ cho người lao động là người lao động cao tuổi: khám định kỳ 06 tháng/lần.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có tranh chấp cá nhân và tập thể.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra đình công.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có khiếu nại về lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm:

+ Điều kiện loại IV: 144 người

+ Điều kiện loại V: 204 người.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 233 người.

- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm: doanh nghiệp tổng hợp từ kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động của các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc và ban hành kế hoạch an toàn vệ sinh lao động theo quy định.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Số lượng người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 08 người, trong đó: 03 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động chuyên trách có trình độ đại học về môi trường, bảo hộ lao động.

- Doanh nghiệp bố trí 03 người làm công tác y tế tại doanh nghiệp, trong đó: 01 người có trình độ cao đẳng dược, 02 người đã được cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động. Ngoài ra, doanh nghiệp ký hợp đồng với cơ sở khám, chữa bệnh để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động (hợp đồng với Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước).

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 231 máy, thiết bị đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn thời hạn kiểm định.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, số người được huấn luyện nhóm 1: 24 người; nhóm 2: 39 người; nhóm 3: 233 người; nhóm 4: 759 người; nhóm 5: 2 người; nhóm 6: 44 người. Người lao động đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện, thẻ an toàn lao động. Tuy nhiên, thẻ an toàn lao động của 20 lao động làm việc tại Chi nhánh xử lý rác thải do đơn vị huấn luyện là Công ty Cổ phần Tư vấn nghiệp vụ và đào tạo Miền Nam cấp, đóng dấu là không đúng quy định.

- Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động: doanh nghiệp đã cấp phát cho người lao động theo quy định, gồm 51 chủng loại phương tiện bảo vệ cá nhân.

- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra, trong đó: tai nạn nhẹ: 14 vụ làm 14 người bị thương nhẹ; tai nạn nặng: 02 vụ làm 02 người bị thương nặng; tai nạn chết người: không.

- Số vụ tai nạn lao động đã được điều tra: 16 vụ. Số người bị tai nạn lao động đủ điều kiện và được giám định sức khỏe: 02 người. Số người bị tai nạn lao động đã bố trí trở lại làm việc: 16 người. Tuy nhiên, hồ sơ điều tra tai nạn lao động chưa lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

- Doanh nghiệp đã thực hiện các chế độ đối với người bị tai nạn lao động theo quy định.

- Đã quan trắc môi trường lao động. Số mẫu đã đo: 553 mẫu, số mẫu đạt tiêu chuẩn: 550 mẫu, số mẫu không đạt tiêu chuẩn: 3 mẫu.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho người lao động; đã khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ; khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm với 04 lao động cao tuổi, người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN)

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 1051 người.

- Số người đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 1051 người, số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng tham gia phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 04 lao động (đã hưởng chế độ hưu trí), doanh nghiệp đã trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương theo hợp đồng lao động đã ký kết với người lao động.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 02/2023.

III. Kết luận

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động; báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Thực hiện tuyển dụng trực tiếp; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã trả đủ trợ cấp thôi việc cho 26/26 lao động đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền là 340.759.558 đồng.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; ký kết và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.7. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động; mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định; trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc ban đêm cho người lao động; trả lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động do thôi việc; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng.

1.8. Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần không vượt quá thời gian quy định; tổ chức làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.9. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương và ngày nghỉ hằng năm theo quy định.

1.10. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động.

1.11. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh; đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh.

1.12. Đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần đối với lao động là người cao tuổi.

1.13. Đã thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc; trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.14. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng phải tham gia; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương theo hợp đồng lao động; đã trả cùng lúc với kỳ trả lương khoản tiền tương đương khoản người sử dụng lao động phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đang hưởng chế độ hưu trí; đã nộp đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 02/2023.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: mục công việc phải làm ghi “kế toán, phó giám đốc hoặc tổ nghiệp vụ phòng kinh doanh ...”, mục chế độ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của Luật lao động hiện hành”, mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo quy chế Công ty”; mục tiền thưởng, chế độ nâng lương ghi “theo quy chế công ty” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019 và Chương II Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động và không có biên bản cuộc họp thương lượng là chưa đúng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Quy chế dân chủ chưa quy định cụ thể các nội dung chủ yếu để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.5. Chưa quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động năm 2019.

2.6. Nội quy lao động của doanh nghiệp quy định ngày nghỉ lễ Quốc khánh (02/9) một ngày, nghỉ tết âm lịch 04 ngày là chưa đúng quy định tại Điều 112 Bộ luật Lao động; chưa quy định nội dung phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.8. Thẻ an toàn lao động của 20 lao động làm việc tại Chi nhánh xử lý rác thải do đơn vị huấn luyện là Công ty Cổ phần Tư vấn nghiệp vụ và đào tạo Miền Nam cấp, đóng dấu là không đúng quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.9. Hồ sơ điều tra tai nạn lao động chưa có biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động theo quy định tại khoản 8 Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động và khoản 6 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không.

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2, mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục sai phạm tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 và 2.9 khi có phát sinh.
- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng